

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/DS-PT
Ngày 30 - 9 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuệ.

Các Thẩm phán: Ông Lê Xuân Sơn.

Ông Cao Đức Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên .

Ngày 30 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2019/TLPT-DS ngày 01 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 39/2019/QĐ-PT ngày 26 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2019/QĐ-PT ngày 23 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị H ; địa chỉ: Số M, đường L, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Bị đơn: Bà Bùi Thị L; địa chỉ: Số S, đường M, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Bùi Thị L: Bà Hoàng Thị Kim K- Luật sư Văn phòng Luật sư K thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Lương Thị T; địa chỉ: Số T, khối C, phường V, thành phố L, tỉnh

Lạng Sơn, vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Xuân T, có mặt;

3. Anh Nguyễn Xuân Th, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Số M, đường L, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

4. Chị Nguyễn Thị Minh A, địa chỉ: Số S, đường M, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Người làm chứng*: Chị Vi Thị T; địa chỉ: Thôn K, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Bà Bùi Thị L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, ý kiến trình bày của các đương sự và bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Từ 30/10/2012 đến 15/02/2013 bà Bùi Thị L có vay tiền của bà H tổng cộng 92.510.000 đồng. Quá trình bà L vay nợ như sau: Lần 1 vào ngày 30/10/2012 bà L cho cô Lương Thị T đến lấy 100.000.000 đồng; lần 2 ngày 07/11/2012 bà L cho cô T lên lấy 100.000.000 đồng; lần thứ 3 ngày 22/11/2012 bà Bùi Thị L trực tiếp nhận 400.000.000 đồng. Đến ngày 29/11/2012 bà Bùi Thị L trả bà H 50.000.000 đồng. Ngày 03/12/2012 bà L vay tiếp 160.000.000 đồng. Đến ngày 20 và 22/01/2013 bà Bùi Thị L trả bà H, tổng 310.000.000 đồng; ngày 26 và 28/01/2013 bà L trả tiếp 300.000.000 đồng. Ngày 09/02/2013 bà Bùi Thị L ký gửi hàng với tổng số tiền 17.360.000 đồng. Đến ngày 15/02/2013 bà L lên lấy hàng của bà H về bán với tổng số tiền 9.870.000 đồng. Tính đến nay bà Bùi Thị L vẫn còn nợ bà H là 92.510.000 đồng. Nay bà H yêu cầu bà Bùi Thị L phải thanh toán toàn bộ số tiền đã nợ trên.

Các căn cứ bà H đưa ra gồm các bản sao phô tô từ sổ ghi việc vay, mượn tiền (đã được đối chiếu với sổ gốc đánh số từ 01 đến 21, tương ứng với với số bút lục từ 48 đến 68 có trong hồ sơ vụ án).

Bà Bùi Thị L trình bày: Về thời gian, quá trình giao dịch, vay nợ, nợ tiền hàng và những lần thanh toán như bà H trình bày là đúng. Khi bà L vay nợ của bà H, bà L đều thanh toán cuốn chiếu, đến tháng 12/2015 bà L đã dừng kinh doanh buôn bán và đã thanh toán hết các khoản nợ cho bà Vũ Thị H. Nay bà L không còn nợ tiền bà H, việc bà H yêu cầu bà L thanh toán số tiền 92.510.000 đồng là không có căn cứ. Việc bà L vay nợ và trả nợ bà H, bà L đều có sổ sách ghi lại đưa cho kế toán quyết toán nhưng do đã dừng buôn bán làm ăn từ lâu, hiện nay chứng từ, sổ sách liên quan đến vay nợ đã không còn nữa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân T trình bày: Quá trình vay nợ, thanh toán nợ từng lần như bà H trình bày là đúng, ông T không có ý kiến gì chỉ mong muốn bà Bùi Thị L thanh toán toàn bộ số tiền nợ cho bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lương Thị T trình bày: Chị T trước đây có làm thủ quỹ, quản lý toàn bộ tiền thu chi kinh doanh của bà L. Tiền vay của ai, thu của ai chị T đều nhập vào máy tính và sổ quỹ theo dõi. Trong quá trình vay nợ bà L có riêng 01 quyển sổ ghi theo dõi công nợ vay bà H, cách chi trả của bà L là theo cuốn chiếu theo cách cứ có nhiều mã vay tiền, trả tiền bà H thì bà L lại chốt sổ dứt điểm, nếu chưa trả hết lại ghi nợ bà H đến lần sau lại chốt sổ trở đi chứ không thanh toán nhảy cóc, vì món vay tiền bà H tính lãi ngày nên bà L luôn ưu tiên thanh toán trước. Nay chị T khẳng định bà L không còn vay tiền bà H.

Người làm chứng chị Vi Thị T trình bày: Đầu năm 2013 đến 2016 chị T có làm kế toán theo dõi ghi hóa đơn hàng hóa và quản lý công nợ cho bà Bùi Thị L, cách chi trả của bà L với bà H là theo cuốn chiếu, thường bà L thanh toán cho bà H vào buổi tối, hôm sau mang chi tiết thanh toán bàn giao để chị T kiểm tra lại nếu chính xác thì nhập vào máy tính. Đến đầu năm 2016 chị T kiểm tra công nợ trên máy tính và trên sổ của bà Vũ Thị H thì bà Bùi Thị L không còn nợ bà H khoản tiền nào.

Với nội dung vụ án như trên tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định: Căn cứ khoản 2 Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 471; 473; 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và các Điều 463, 464, 465, 466, 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 4, 5 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Vũ Thị H buộc bà Bùi Thị L phải hoàn trả lại số tiền vay cho bà Vũ Thị H là 92.510.000 đồng (*chín mươi hai triệu năm trăm mười nghìn đồng*). Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Vũ Thị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Bùi Thị L không thi hành xong khoản tiền trên thì còn phải trả lãi tương ứng với số tiền chậm trả quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí Dân sự sơ thẩm: Buộc bà Bùi Thị L phải chịu 4.625.500 đồng (*bốn triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho bà Vũ Thị H tiền tạm ứng án phí 2.313.000 đồng (*hai triệu ba trăm mười ba nghìn đồng*) số tiền này hiện đang được tạm gửi tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2012/03028 ngày 11/01/2019.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án đối với các đương sự

Ngày 28/5/2019, Bùi Thị L là bị đơn có kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm số 02/2019/DS-ST, ngày 23/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, yêu cầu Tòa án cấp Phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm; bác yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Bùi Thị L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn có ý kiến: Qua đối đáp tại phiên tòa cho bà H và bà L có quan hệ làm ăn, vay tiền, lấy hàng, hình thức vay trả có 01 quyển sổ theo dõi, nếu lấy hoặc trả đều ghi trong sổ và chốt nợ theo kiểu cuốn chiếu, khi nghỉ kinh doanh bà L đã không còn khoản nợ nào qua xác nhận của Thủ quỹ và Kế toán. Vì lẽ khi vay được tính theo ngày rất cao 1000^d/01triệu/ ngày, sau 06 năm mới đòi khoản nợ này là vô lý; tại phiên tòa hôm nay chị A là con của bà L xác nhận ngày 20/01/2013 được trả cho bà H 100 triệu đồng, trong hồ sơ chưa có bút lục này, số tiền này chưa được bà H cộng, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận kháng cáo bác yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H.

Nguyên đơn bà Vũ Thị H đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật, các đương sự có mặt tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Ngày 23/5/2019 Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn tuyên án sơ thẩm. Ngày 04/6/2019 bà Bùi Thị L có đơn kháng cáo gửi Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn. Việc kháng cáo trong hạn luật định, kháng cáo hợp lệ.

Xét nội dung bà Bùi Thị L kháng cáo không chấp nhận khoản nợ 92.510.000đ và đề nghị cấp phúc thẩm yêu cầu bà Vũ Thị H cung cấp sổ ghi nợ (sổ gốc) để đối chiếu và kiểm tra. Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, Tòa án yêu cầu bà Vũ Thị H cung cấp quyển sổ ghi nợ (sổ gốc) để đối chiếu và xem xét. Theo nội dung ghi chép trong sổ thấy: Các khoản vay nợ và mua hàng (bia, bò húc...) giữa bà L và bà H được thể hiện: Mua hàng chưa trả tiền ngay hoặc vay nợ thì đều ghi “L vay hoặc L trả” trong sổ. Nếu có món vay mới thì ghi tiếp đến khi bà L lên thanh toán thì tính từ ngày chốt sổ cuối đến ngày chốt sổ mới theo kiểu cuốn chiếu. Cụ thể, khoản vay của bà L thể hiện trong sổ bà H như sau: Ngày 30/10/2012 T vay bác H cho cô L 100 triệu; Ngày 07/11/2012: T vay bác H cho cô L 100 triệu; Ngày 22/11/2012 L vay H 400 triệu; Ngày 29/11/2012: L trả H 50 triệu; Ngày 29/11/2012: Tổng gốc còn nợ 550 triệu; Ngày 03/12/2012 L vay H 160 triệu; Ngày 20/01/2013 L trả H 100 triệu = 610 triệu; Ngày 20/01/2013 mang sang L nợ H 610 triệu; Ngày 22/01/2013 L trả H 210 triệu; L nợ H 400 triệu; Ngày 26/01/2013 L trả H 178 triệu, còn nợ 222 triệu; Ngày 28/01/2013 L trả anh T 122 triệu (T ký nhận 122 triệu – T là con trai bà H).

Tại phiên tòa bà H khẳng định việc vay nợ - trả tiền giữa bà H và bà L dừng lại ở số tiền 122 triệu như đã nêu ở trên và đúng như trong sổ nợ thể hiện. Đồng thời, bà H khẳng định việc biết bà L nợ là từ năm 2013, đã đòi nợ nhưng

không đòi được vì bà L không chịu trả. Tuy nhiên, nội dung của sổ lại thể hiện từ thời điểm ngày 28/01/2013 đến ngày 15/9/2015 hai bên mới kết thúc giao dịch với nhau, trong thời gian này hai bên còn cùng nhau thực hiện nhiều giao dịch khác, lần nào cũng thực hiện việc chốt sổ nhận nợ, mang sang trang sau (thể hiện trong sổ sách).

Mặt khác, trong sổ có thể hiện việc chốt sổ ký gửi hàng như sau: Ngày 09/02/2013 L ký gửi hàng hóa với tổng số tiền là 17.360.000đ; đến ngày 15/02/2013 L lấy hàng của H về bán với số tiền 9.870.000đ, hai bên đã chốt sổ với nội dung “hết ngày 15/02/2013 H đang nợ L tiền hàng 7.490.000đ”, như vậy chính việc chốt sổ này đã khẳng định chỉ có việc bà H nợ bà L tiền hàng, không thể hiện việc bà L còn nợ bà H số tiền 100.000.000đ, vì nếu còn nợ 100.000.000đ thì ngay tại trang sổ này ngày 15/02/2019 bà H đã yêu cầu chốt sổ ghi nợ số tiền mà L nợ.

Ngoài ra, trong sổ bà H thể hiện trong cùng ngày 20/01/2013 có 02 lần giao dịch liên quan đến số tiền 100.000.000đ được ghi “Trả bác H”, thể hiện như sau: Một trang có nội dung “Ngày 20/01/2013: Ánh trả bác H một trăm triệu đồng. Đã chuyển sang phần nợ tiền - có chữ ký xác nhận của bà L bên cạnh”. Tại trang sổ tiếp theo có một giao dịch ghi: “Ngày 20/01/2013 L trả H 100 triệu đồng (chuyển sang trang mới)”. Bà L cho rằng, có thể đây là khoản tiền bà đã trả nên bà H và bà mới không chốt sổ nhận nợ khoản tiền này, sau đó lợi dụng bà L không còn giữ giấy tờ, sổ sách nên đã khởi kiện yêu cầu bà L trả tiền.

Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu bà H cung cấp tài liệu chứng cứ nhưng do bà H chỉ giao nộp tài liệu là bản phô tô những trang sổ có giao dịch mà bà H cho rằng bà L vay nợ, không cung cấp sổ gốc để kiểm tra nên Tòa án cấp sơ thẩm không phát hiện trong sổ còn có những giao dịch liên quan đến số tiền 100.000.000đ như đã nói ở trên.

Như vậy, Bản án sơ thẩm nhận định và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc bà L phải trả bà H khoản nợ 92.510.000đ (đã trừ tiền hàng 7.490.000đ) là không có căn cứ và mâu thuẫn với nội dung ghi chép việc vay - trả của bà H và bà L trong sổ nợ.

Như đã phân tích ở trên, thấy nội dung kháng cáo của bà Bùi Thị L về việc bà không còn khoản nợ nào với bà H và là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 309, chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị L, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 23/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H.

Căn cứ vào các chứng cứ, T liệu đó được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự và Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra

tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có lý do nhưng theo quy định tại khoản 3 Điều 296 BLTTDS Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về kháng cáo của bà Bùi Thị L: Kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Vũ Thị H kiện đòi 92.510.000 đồng vì không có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của bà Bùi Thị L thấy rằng: Bà Vũ Thị H với bà Bùi Thị L có quan hệ làm ăn, buôn bán và vay, mượn tiền của nhau là Hợp đồng vay T sản được quy định tại các Điều 471; 473; 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Theo các T liệu có trong hồ sơ cho thấy bà H và bà L có quan hệ làm ăn, vay tiền, lấy hàng, hình thức vay trả có 01 quyển sổ theo dõi, nếu lấy hoặc trả đều ghi trong sổ và chốt nợ theo kiểu cuốn chiếu, thời gian bắt đầu từ khoảng năm 2008 bà L có vay tiền của bà H để buôn bán hàng hóa, lấy hàng hóa của nhau và việc theo dõi các khoản vay được các bên tự lập sổ theo dõi, đồng thời khi thanh toán khoản vay các bên thực hiện bằng việc ghi rõ ai vay tiền, vay cho ai, bao nhiêu tiền, về việc trả tiền cũng ghi rõ ai đã trả tiền và số tiền là bao nhiêu rồi gạch sổ là đã thanh toán xong và người trả tiền ghi, ký xác nhận vào sổ của người nhận tiền.

[4] Sau khi thụ lý phúc thẩm Tòa án đã thu thập sổ ghi nợ của bà Vũ Thị H, thấy rằng việc mua bán hàng hay vay nợ đều được thanh toán nợ theo hình thức cuốn chiếu, có tính cụ thể số tiền gốc và số tiền lãi phải trả từng lần; đối chiếu các khoản vay tiền và ký gửi hàng hóa giữa bà H với bà L khoản vay của bà L thể hiện trong sổ bà H như sau: Ngày 30/10/2012 T vay bác H cho cô L 100 triệu; ngày 07/11/2012: T vay bác H cho cô L 100 triệu; ngày 22/11/2012 L vay H 400 triệu; ngày 29/11/2012: L trả H 50 triệu; ngày 29/11/2012: Tổng gốc còn nợ 550 triệu; ngày 03/12/2012 L vay H 160 triệu; ngày 20/01/2013 L trả H 100 triệu = 610 triệu; ngày 20/01/2013 mang sang L nợ H 610 triệu; ngày 22/01/2013 L trả H 210 triệu; L nợ H 400 triệu; ngày 26/01/2013 L trả H 178 triệu, còn nợ 222 triệu; ngày 28/01/2013 L trả anh T 122 triệu (T ký nhận 122 triệu – T là con trai bà H). Tuy nhiên, nội dung của sổ lại thể hiện từ thời điểm ngày 28/01/2013 đến ngày 15/9/2015 hai bên mới kết thúc giao dịch với nhau, trong thời gian này hai bên còn cùng nhau thực hiện nhiều giao dịch khác, lần nào cũng thực hiện việc chốt sổ nhận nợ. Trong sổ có thể hiện việc chốt sổ ký gửi hàng như sau: Ngày 09/02/2013 L ký gửi hàng hóa với tổng số tiền là 17.360.000đ; đến ngày 15/02/2013 L lấy hàng của H về bán với số tiền 9.870.000đ, hai bên đã chốt sổ với nội dung “hết ngày 15/02/2013 H đang nợ L tiền hàng 7.490.000đ”, như vậy chính việc chốt sổ này đã khẳng định chỉ có việc bà H nợ bà L tiền hàng, không thể hiện việc bà L còn nợ bà H số tiền

100.000.000đ, vì nếu còn nợ 100.000.000đ thì ngay tại trang sổ này ngày 15/02/2019 bà H đã yêu cầu chốt sổ ghi nợ số tiền mà L nợ. Ngoài ra, trong sổ bà H thể hiện trong cùng ngày 20/01/2013 có 02 lần giao dịch liên quan đến số tiền 100.000.000đ được thể hiện như sau: Một trang có nội dung ngày 20/01/2013: “Ánh trả B. H một trăm triệu 100.000.000 ” đã chuyển sang phần nợ tiền có chữ ký xác nhận của bà L bên cạnh (*T liệu này cấp sơ thẩm chưa được thu thập và lưu trong hồ sơ vụ án*) tại BL51 số có ghi “ L trả H một trăm triệu 100.000.000”. Tại phiên tòa phúc thẩm chị Nguyễn Thị Minh A là con của bà Bùi Thị L xác nhận đúng là chị được trả tiền nợ. Đến thời điểm cuối năm 2015 thì hai bên đã không còn tiến hành các giao dịch với nhau, do đó cần chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị L, sửa án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H . Việc sửa án do có tình tiết mới.

[5] Bà Vũ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.625.500 đồng (*bốn triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm đồng*) được trừ đi số tiền tạm ứng án phí 2.313.000 đồng (*hai triệu ba trăm mười ba nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2012/03028 ngày 11/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L , tỉnh Lạng Sơn. Bà Vũ Thị H còn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 2.312.500 đồng (*hai triệu ba trăm mười hai nghìn năm trăm đồng*)

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm nên bà Bùi Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại bà Bùi Thị L số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2015/0001792 ngày 20/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L , tỉnh Lạng Sơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 471; 473; 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 4, 5 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị L. Sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H buộc bà Bùi Thị L phải hoàn trả lại số tiền vay cho bà Vũ Thị H là 92.510.000 đồng (*chín mươi hai triệu năm trăm mười nghìn đồng*).

2. Về án phí Dân sự sơ thẩm:

Bà Vũ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.625.500 đồng (*bốn triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm đồng*) được trừ đi số tiền tạm ứng án phí 2.313.000 đồng (*hai triệu ba trăm mười ba nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2012/03028 ngày 11/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L , tỉnh Lạng Sơn. Bà Vũ Thị H còn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 2.312.500 đồng (*hai triệu ba trăm mười hai nghìn năm trăm đồng*)

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Bùi Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại bà Bùi Thị L số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2015/0001792 ngày 20/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L , tỉnh Lạng Sơn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS thành phố L , tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người bvtqlhp của đương sự;
- HCTP, KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PH TÒA
(Đã ký)**

Phạm Văn Tuệ